

QUỸ VFMVF1

Tháng 11 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTTS, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VND)	652.6
Số lượng CCQ đang lưu hành	28,082,829.3
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VND)	24,660.0
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VND)	19,207.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	91.0

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Sau khi đạt đỉnh ngắn hạn tại 615 điểm đầu tháng 11, thị trường đã điều chỉnh với VN-Index kết thúc tháng 11 giảm 4.4% so với tháng trước đó. Đợt giảm lần này bắt nguồn từ áp lực bán rông của khối ngoại và rủi ro margin hiện hữu. Không tránh khỏi ảnh hưởng từ thị trường, giá trị mỗi chứng chỉ quỹ VF1 giảm 4.1% trong tháng, tuy nhiên mức giảm có thấp hơn so với chỉ số tham chiếu (-4.4%) nhờ vào một số điểm sáng trong danh mục như VNM (+5%), KDH (+3.5%) and SKG (+3.5%) và tỷ trọng ngành Ngân hàng trong danh mục thấp hơn trong chỉ số VN-Index (10.8% NAV so với 27%) trong khi Ngân hàng là ngành khiến VN-Index bị giảm nhiều nhất trong tháng 11. Bên cạnh đó một số cổ phiếu khác cũng điều chỉnh đáng kể như cổ phiếu ngành Dệt may (TCM), Bất động sản (DXG, KBC).

Lũy kế từ đầu năm quỹ VF1 tăng trưởng 11.9%, cao hơn gấp 2 lần tăng trưởng của chỉ số tham chiếu và chỉ số VN-Index (5.1%).

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

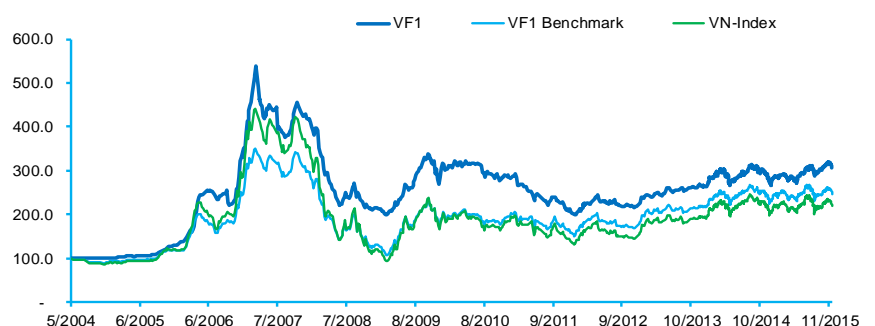
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	23,237.9	(4.1)	4.4	11.9	7.5	205.9 (*)
VN1-Benchmark	247.0	(4.4)	1.5	5.1	2.1	147.0
VN-Index	573.2	(5.6)	1.5	5.1	1.2	119.1
HNX-Index	80.6	(2.0)	4.8	(2.9)	(7.8)	n/a

(*) VFMVF1 Benchmark = 80% VN-Index + 20% Bond Index 1Y

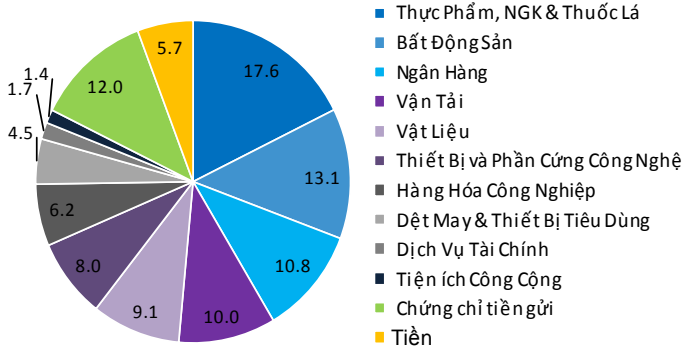
(**) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



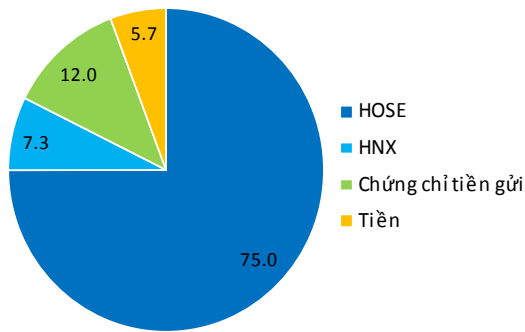
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	14.5
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	8.0
BMP	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	4.6
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	4.5
SKG	Vận Tải	HOSE	4.5
VCB	Ngân Hàng	HOSE	4.2
VIC	Bất Động Sản	HOSE	3.8
HPG	Vật Liệu	HOSE	3.6
KDH	Bất Động Sản	HOSE	3.6
CII	Vận Tải	HOSE	3.4

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	11.2	9.2
P/E	10.8	11.1
P/B trung vị	1.9	1.1
P/B	1.9	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	23.6	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.6	4.0
Số lượng cổ phiếu	23	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	0.8	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	17.0	17.3
Hệ số Sharpe	0.1	(0.1)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.